

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2442/QĐ-ĐHTCM, ngày 29 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Anh): Finance- Banking

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Tài chính-Ngân hàng; Mã ngành: 8340201

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng **ứng dụng** là trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu của lĩnh vực TC-NH theo từng chuyên ngành (Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc). Chương trình cũng trang bị những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp để vận hành, quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề thực tiễn trong một loại hình doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp có hiệu quả. Chương trình cũng đào tạo các học viên có khả năng trở thành các doanh nhân, nhà lãnh đạo tổ chức với tầm nhìn và tri thức về Tài chính - Ngân hàng trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Khi có nhu cầu, người học có thể học bổ sung một số phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức	
PO1	Cung cấp phương pháp luận khoa học, những kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng

PO2	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu theo từng chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc.
Về kỹ năng	
PO3	Trang bị những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp để vận hành và quản lý một loại hình doanh nghiệp chuyên nghiệp có hiệu quả.
PO4	Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về tài chính ngân hàng để phát hiện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng;
PO5	Truyền đạt tri thức dựa trên các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng, có kỹ năng thảo luận các vấn đề thực tiễn với nhà chuyên môn và khoa học hoặc với người cùng ngành tài chính ngân hàng và với những người khác.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
PO6	Tôn trọng pháp luật và có trách nhiệm nghề nghiệp cũng như trách nhiệm chuyên môn, có tinh thần học tập suốt đời.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sau khi tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ TCNH theo định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí công tác sau đây:

- Nhóm 1: Nhà quản trị cấp trung tại các doanh nghiệp-ngân hàng, Cục và chi cục hải quan, Kho bạc, Thuế, Sở tài chính, tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước;
- Nhóm 2: Chủ doanh nghiệp, Giám đốc tài chính (CFO), Giám đốc điều hành (CEO) tại các doanh nghiệp-ngân hàng, tập đoàn trong và ngoài nước.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

Về kiến thức	
PLO1	Đánh giá được các thông tin, kiến thức một cách có tư duy, logic trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PLO2	Phân tích được các lý thuyết tài chính, ngân hàng để phát hiện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong thực tiễn.
PLO3	Đánh giá được các lý thuyết tài chính, ngân hàng chuyên sâu của từng (hoặc/và) chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc để giải quyết các vấn đề thực tiễn của chuyên ngành.
PLO4	Sáng tạo trong giải quyết vấn đề thực tiễn, đưa ra các giải pháp phù hợp theo từng (hoặc/và) chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc.
Về kỹ năng	
PLO5	Phân tích phân biện nhằm đưa ra những giải pháp toàn diện đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO6	Tổ chức, hướng dẫn, quản trị các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các định chế tài chính.
PLO7	Phân tích dữ liệu, quản lý dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO8	Làm việc nhóm, làm việc độc lập.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
PLO9	Có năng lực dân dốt chuyên môn, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO10	Có khả năng tự học hỏi, tự định hướng, tự thích nghi và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Thời gian học tập tối đa: 4 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 60 tín chỉ

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

6.1 Quy trình đào tạo:

Theo Quy chế Đào tạo trình độ thạc sỹ (Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quy định đào tạo trình độ Thạc sỹ của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.2 Địa điểm đào tạo:

1. Địa điểm đào tạo là các cơ sở đào tạo hoặc phân hiệu của Trường.
2. Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo.
3. Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.
4. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

6.2 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không

6.3 Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu; luận văn đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Hoàn thành các trách nhiệm khác theo quy định của Trường, không bị truy cứu

trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

7. TUYỂN SINH:

7.1 Chỉ tuyển sinh: Theo chỉ tiêu được xét duyệt từ BGD&ĐT đối với năng lực đào tạo của Trường Đại học Tài chính-Marketing.

7.2 Chuẩn đầu vào:

a. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành TC-NH;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành TC-NH và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 4 học phần (8 tín chỉ).
- Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành TC-NH và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 7 học phần (15 tín chỉ).

b. Yêu cầu thâm niên công tác : Không

c. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ : được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

7.3 Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b. Sinh viên trường đại học Tài chính- Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ.

c. Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của trường;
- + Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

+ Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

7.4 Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

7.4.1 Danh mục các ngành đúng, ngành gần, ngành khác

Ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý bao gồm các ngành về chức năng quản trị, quản lý; các ngành về lĩnh vực quản trị, quản lý; các ngành về công cụ quản trị, quản lý. Ngành liên quan trực tiếp bao gồm:

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

b) Ngành gần: các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng khác với ngành đúng.

c) Ngành khác: các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

7.4.2 Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Ngành gần: bổ sung kiến thức 2 môn:

+ Kinh tế học (3TC)

+ Tài chính tiền tệ (2TC)

Ngành khác 4 môn:

+ Kinh tế học (3TC)

+ Tài chính tiền tệ (2TC)

+ Tài chính doanh nghiệp (2TC)

+ Nguyên lý kế toán (2TC).

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM :

Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, lấy điểm lẻ đến 0,5 điểm. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 5,5 trở lên (điểm đánh giá từ mức C trở lên). Nếu điểm học phần dưới 5,5 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

9.1 Kiến thức chung: 7 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	POL50001	Triết học	4	60		
2	POL50002	Phương pháp nghiên cứu định lượng 1	3	45		
		Tổng	7	105		

9.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 43 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
Kiến thức bắt buộc: 26TC						
3	FBM11044	Quản trị tài chính hiện đại	3	45		
4	FBM11092	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	3	45		
5	FBM11076	Tài chính quốc tế nâng cao	3	45		
7	FBM11181	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	45		
8	FBM11131	Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp	3	45		
9	FBM11151	Nghiên cứu tình huống 1	3	45		
10	FBM11047	Nghiên cứu tình huống 2	3	45		
11	FBM11048	Báo cáo chuyên đề	2	30		
12	FBM11049	Quản trị rủi ro các định chế tài chính	3	45		
		Tổng	26	390		

Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 18 TC (Chọn 1 trong 7 chuyên ngành sau: TCNH, TCC, BH, HQ, TĐG, Thuế, Kho bạc)

13	FBM11121	Quản trị danh mục đầu tư	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành TCNH
14	FBM11122	Mua bán và sáp nhập	3	45		
15	FBM11201	Tài chính hành vi	3	45		
16	FBM1151	Ngân hàng số	3	45		
17	FBM1131	Quản trị rủi ro tài chính	3	45		
18	FBM1171	Chiến lược tài chính công ty	3	45		
19	FBM1172	Tài chính khởi nghiệp	3	45		
20	FBM1173	Blockchain and Cryptofinance	3	45		
21	FBM1174	Ngân hàng đầu tư nâng cao	3	45		
14	FBM1161	Quản trị và giám sát khu vực công	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành TCC
15	FBM11171	Tài chính công nâng cao	3	45		
16	FBM11141	Thẩm định đầu tư công	3	45		
17	FBM11161	Quản lý chi tiêu công	3	45		
18	FBM11051	Phân tích chính sách công nâng cao	3	45		
19	FBM11195	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	45		
20	FBM11196	Tài chính công: Nghiên cứu ứng dụng	3	45		
21	FBM11197	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	45		
22	FBM11198	Kiểm toán công	3	45		
23	FBM11049	Nguyên lý về an sinh xã hội	3	45		Nhóm học phần trong chuyên
24	FBM11050	Chính sách về an sinh xã hội, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Việt Nam và các nước	3	45		

25	FBM11051	Kinh tế bảo hiểm	3	45		ngành Bảo hiểm
26	FBM11052	Công nghệ bảo hiểm	3	45		
27	FBM11121	Quản trị danh mục đầu tư	3	45		
28	FBM1128	Quản trị rủi ro định chế tài chính phi ngân hàng	3	45		
29	FBM1129	Truyền thông chính sách an sinh xã hội	3	45		
30	FBM1130	Tài chính công ty bảo hiểm.	3	45		
31	FBM1131	Định phí bảo hiểm.	3	45		
32	FBM11053	Thẩm định giá bất động sản đầu tư	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành TĐG
33	FBM11054	Thẩm định giá doanh nghiệp nâng cao	3	45		
34	FBM11055	Thẩm định giá ngân hàng thương mại	3	45		
35	FBM11056	Thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập	3	45		
36	FBM11057	Thẩm định giá tài sản trí tuệ	3	45		
37	FBM11058	Thẩm định giá chứng khoán phái sinh	3	45		
38	FBM11059	Ngân hàng số nâng cao	3	45		
39	FBM11060	Blockchain and Cryptofinance	3	45		
40	FBM11061	Thẩm định đầu tư công	3	45		
41	FBM11206	Đàm phán và phân tích các cam kết quốc tế về hải quan	3	45		Nhóm học phần trong chuyên
42	FBM11176	Quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan	3	45		

43	FBM11059	Quản lý hải quan về trị giá hàng hóa	3	45		ngành Hải quan
44	FBM11060	Quản lý hải quan về phân loại và xuất xứ hàng hóa	3	45		
45	FBM11226	Quản lý thuế xuất nhập khẩu	3	45		
46	FBM11061	Kiểm tra sau thông quan	3	45		
47	FBM11062	Kiểm soát hải quan nâng cao	3	45		
48	FBM11063	Tài chính công nâng cao	3	45		
49	FBM11064	Kiểm toán công	3	45		
50	FBM11236	Tài chính công nâng cao	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành Thuế
51	FBM11266	Đạo đức thuế	3	45		
52	FBM11276	Hoạch định thuế	3	45		
53	FBM11286	Thuế quốc tế	3	45		
54	FBM11296	Quản lý thuế nâng cao	3	45		
55	FBM11195	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	45		
56	FBM11196	Lý thuyết thuế	3	45		
57	FBM11197	Quản lý Nhà nước về tài chính	3	45		
58	FBM11198	Kiểm toán công	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành Kho bạc
59	FBM11062	Quản lý kho bạc	3	45		
60	FBM11063	Quản lý ngân sách và các quỹ ngoài ngân sách	3	45		
61	FBM11064	Quản lý nợ công	3	45		
62	FBM11065	Quản lý đầu tư công (Public Investment Management)	3	45		
63	FBM11051	Phân tích chính sách công nâng cao	3	45		

64	FBM11066	Kiểm toán nâng cao	3	45		
65	FBM11171	Tài chính công nâng cao	3	45		
66	FBM11172	Quản lý thuế	3	45		
67	FBM11173	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	45		
		Tổng	18	270		

9.3. Đề án tốt nghiệp: 9 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
68	FBM1124	Đề án tốt nghiệp	9			
		Tổng	9			

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Học kỳ 1

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Triết học	4	
2	Quản trị tài chính hiện đại	3	
3	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	3	
4	Phương pháp nghiên cứu định lượng 1	3	
	TỔNG	13	

Học kỳ 2

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	
2	Tài chính quốc tế nâng cao	3	
3	Phân tích báo cáo tài chính và định giá	3	

4	Quản trị rủi ro các định chế tài chính	3	
5	Báo cáo chuyên đề	2	Mời chuyên gia báo cáo
6	Nghiên cứu tình huống 1	3	Học viên chọn 1 chủ đề thuộc lĩnh vực TCNH gắn với 1 đơn vị cụ thể để phân tích và viết báo cáo (phân công GV hướng dẫn cho nhóm hv do khoa TCNH phân công hướng dẫn)
	TỔNG	17	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành TCNH (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản trị danh mục đầu tư	3	
2	Tài chính hành vi	3	
3	Mua bán và sáp nhập	3	
4	Ngân hàng số nâng cao	3	
5	Quản trị rủi ro tài chính	3	
6	Chiến lược tài chính công ty	3	
7	Tài chính khởi nghiệp	3	
8	Blockchain and Cryptofinance	3	
9	Ngân hàng đầu tư nâng cao	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành Tài chính công (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
-----	----------	----	---------

1	Quản trị và giám sát khu vực công	3	
2	Tài chính công nâng cao	3	
3	Thẩm định đầu tư công	3	
4	Quản lý chi tiêu công	3	
5	Tài chính công: nghiên cứu ứng dụng	3	
6	Phân tích chính sách công nâng cao	3	
7	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	
8	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	
9	Kiểm toán công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành Bảo hiểm (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Kinh tế bảo hiểm	3	
2	Nguyên lý về an sinh xã hội	3	
3	Chính sách về an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Việt Nam và các nước	3	
4	Công nghệ bảo hiểm	3	
5	Quản trị danh mục đầu tư	3	
6	Quản trị rủi ro định chế tài chính phi ngân hàng	3	
7	Truyền thông chính sách an sinh xã hội	3	
8	Tài chính công ty bảo hiểm.	3	
9	Định phí bảo hiểm.	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 –Chuyên ngành Thẩm định giá (học viên chọn 6 học phần trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Thẩm định giá bất động sản đầu tư	3	
2	Thẩm định giá doanh nghiệp nâng cao	3	
3	Thẩm định giá ngân hàng thương mại	3	
4	Thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập	3	
5	Thẩm định giá tài sản trí tuệ	3	
6	Thẩm định giá chứng khoán phái sinh	3	
7	Ngân hàng số nâng cao	3	
8	Blockchain and Cryptofinance	3	
9	Thẩm định đầu tư công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 –Chuyên ngành Hải quan (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Đàm phán và phân tích các cam kết quốc tế về hải quan	3	
2	Quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan	3	
3	Quản lý hải quan về trị giá hàng hóa	3	
4	Quản lý hải quan về phân loại và xuất xứ hàng hóa	3	
5	Quản lý thuế xuất nhập khẩu	3	
6	Kiểm tra sau thông quan	3	
7	Kiểm soát hải quan nâng cao	3	
8	Tài chính công nâng cao	3	

9	Kiểm toán công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành thuế (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Tài chính công nâng cao	3	
2	Đạo đức thuế	3	
3	Hoạch định thuế	3	
4	Thuế quốc tế	3	
5	Quản lý thuế	3	
6	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	
7	Lý thuyết thuế	3	
8	Quản lý NN về tài chính	3	
9	Kiểm toán công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành kho bạc (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản lý kho bạc	3	
2	Quản lý ngân sách và các quỹ ngoài ngân sách	3	
3	Quản lý nợ công	3	
4	Quản lý đầu tư công	3	
5	Phân tích chính sách công nâng cao	3	
6	Kiểm toán nâng cao	3	
7	Tài chính công nâng cao	3	

8	Quản lý thuế nâng cao	3	
9	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 4

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Nghiên cứu tình huống 2	3	
2	Đề án tốt nghiệp	9	
	TỔNG	12	

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

11.1 Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Học viên sau khi trúng tuyển sẽ tham gia các lớp học phần theo từng học kỳ theo thông báo của Khoa Sau đại học. Trong hai học kỳ đầu, học viên sẽ học chung các học phần. Đến học kỳ 3 học viên sẽ được phân theo từng lớp theo định hướng chuyên ngành mà học viên đã đăng ký.

- Nhà trường trang bị phương tiện hiện đại hỗ trợ cho việc giảng dạy bằng giáo án điện tử, và các phòng thực hành cho sinh viên như: phòng thảo luận seminar, phòng báo cáo đề tài nhóm. Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng..

- Viện đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chương trình học phần. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo đúng qui chế của Bộ giáo dục và Đào tạo và của Trường.

11.2 Phương pháp đào tạo

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự nghiên cứu của học viên, đề cao và khuyến khích tính tự chủ, năng động trong học tập và nghiên cứu của học

viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm. Chú trọng đến kỹ năng liên quan đến thực tiễn các học phần chuyên ngành.

- Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn chuyên ngành như:

✓ Tổ chức seminar: Giảng viên chỉ giảng dạy các nội dung cơ bản, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị học viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.

✓ Mời các doanh nghiệp báo cáo thực tế, học viên viết bài thu hoạch về doanh nghiệp.

✓ Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ, đề tài nghiên cứu khoa học

12. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

• Danh sách giảng viên cơ hữu

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM - HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1	Hồ Thủy Tiên	PGS.TS	Tài chính quốc tế, Chiến lược Tài chính công ty
2	Phạm Tiến Đạt	PGS.TS	Quản trị tài chính hiện đại, QTRRTC.
3	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS	TC hành vi, TC khởi nghiệp,
4	Phan Thị Hằng Nga	PGS.TS	Ngân hàng số nâng cao, Quản trị rủi ro các định chế tài chính.
5	Nguyễn Minh Ngọc	PGS.TS	Thẩm định giá BĐS đầu tư.
6	Trần Huy Hoàng	PGS.TS	Quản trị ngân hàng hiện đại, PTCSTTK.
7	Lê Trung Đạo	TS	Quản lý hải quan về trị giá hàng hóa, Quản lý hải quan về phân loại và xuất xứ hàng hóa.
9	Bùi Hữu Phước	TS	Quản trị tài chính hiện đại, Quản trị rủi ro tài chính
10	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS	Tài chính hành vi, tài chính khởi nghiệp
7	Phạm Quốc Việt	TS	Mua bán sáp nhập, Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp,
8	Nguyễn Văn Thuận	TS	Thẩm định giá DN nâng cao, QL chi tiêu công.

	Nguyễn Thanh Nhã	TS	Thẩm định giá BĐS đầu tư, Thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập
9	Trần Thị Kim Oanh	TS	QLDMĐT.
10	Hồ Thị Lam	TS	QTRR tài chính.
11	Nguyễn Quang Minh	TS	Quản trị tài chính hiện đại, chiến lược tài chính công ty.
12	Lê Thị Thúy Hằng	TS	Ngân hàng đầu tư nâng cao, Quản trị rủi ro các định chế tài chính
13	Nguyễn Văn Bồn	TS	Tài chính quốc tế PTCSTTK.
15	Trần Thị Thanh Nga	TS	PTCSTTK.
18	Phạm Lê Quang	TS	Triết học.
19	Nguyễn Tấn Hưng	TS	Triết học.
24	Trần Thị Diễm	TS	Tài chính khởi nghiệp, QL đầu tư công.

• **Danh sách giảng viên thỉnh giảng**

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1	Nguyễn Hồng Thắng	PGS.TS	Hoạch định thuế Quản lý đầu tư công
2	Nguyễn Viết Bằng	TS	Quản lý thuế XNK
3	Diệp Gia Luật	PGS.TS	Quản lý NS và các quỹ ngoài ngân sách Blockchain and Cryptofinance
4	Nguyễn Đức Thanh	TS	Quản lý kho bạc
5	Đoàn Hồng Lê	PGS.TS	Đàm phán & phân tích các cam kết quốc tế về hải quan, Quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan
6	Nguyễn Ngọc Hùng	PGS.TS	Phân tích chính sách công nâng cao
7	Nguyễn Thanh Dương	TS	Quản lý kho bạc
8	Trần Đình Phụng	TS	Kiểm tra sau thông quan

9	Nguyễn Văn Thắng	TS	Truyền thông an sinh xã hội Nguồn lực an sinh xã hội
10	Nguyễn Thị Mỹ Dung	TS	Chính sách an sinh xã hội
11	Nguyễn Thị Huyền	TS	Quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan
12	Nguyễn Ngọc Ánh	TS	Tài chính công nâng cao
13	Đoàn Minh Phụng	PGS.TS	Kinh tế bảo hiểm
14	Trần Thị Mười	TS	Thẩm định giá DN nâng cao
15	Lê quang Cường	TS	Đạo đức thuế
16	Phạm Văn Bình	TS	TĐG tài sản trí tuệ
17	Lê Xuân Quang	TS	Quản lý nợ công
18	Phan Hiên Minh	TS	Quản lý thuế

13. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
			Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I. KIẾN THỨC CHUNG												
1	Triết học	4	R				R					
2	Phương pháp nghiên cứu định lượng 1	3	R				R					
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH												
1	Báo cáo chuyên đề	2		M				M	M	M		M
2	Quản trị rủi ro các định chế tài chính	3	M				M		M		M	
3	Tài chính quốc tế nâng cao	3	M				M		M		M	

4	Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp	3	M				M		M		M	
5	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	M				M		M		M	
6	Nghiên cứu tình huống 1	3		M				M	M	M	M	M

III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành TCNH

1	Quản trị danh mục đầu tư	3			A			A		A		A
2	Tài chính hành vi	3			A			M		M		M
3	Mua bán và sáp nhập	3			A			M		M		M
4	Ngân hàng số nâng cao	3			A			M		M		M
5	Quản trị rủi ro tài chính	3			A			M		M		M
6	Chiến lược tài chính công ty	3			A			M		M		M
7	Tài chính khởi nghiệp	3			M			M		M		M
8	Blockchain and Cryptofinance	3			M			M		M		M
9	Ngân hàng đầu tư nâng cao	3			A			M		M		M
10	Nghiên cứu tình huống 2	3	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
11	Đề án tốt nghiệp	9	M	A	A	M	M	M	M	M	M	M

Chuyên ngành Tài chính công

1	Quản trị và giám sát khu vực công	3			A			M		M		M
2	Tài chính công nâng cao	3			A			M		M		M
3	Thẩm định đầu tư công	3			A			M		M		M
4	Quản lý chi tiêu công	3			A			M		M		M
5	Tài chính công: nghiên cứu ứng dụng	3			A			M		M		M
6	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3			A			M		M		M
7	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3			A			M		M		M
8	Kiểm toán công	3			A			M		M		M

9	Quản lý tài chính các đơn vị công	3			A			M		M		M
10	Nghiên cứu tình huống 2	3	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
11	Đề án tốt nghiệp	9	M	A	A	M	M	M	M	M	M	M
Chuyên ngành Bảo hiểm												
1	Kinh tế bảo hiểm	3			A			M		M		M
2	Nguyên lý về an sinh xã hội	3			A			M		M		M
3	Chính sách về an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Việt Nam và các nước	3			A			M		M		M
4	Công nghệ bảo hiểm	3			A			M		M		M
5	Quản trị danh mục đầu tư	3			A			M		M		M
6	Quản trị rủi ro định chế tài chính phi ngân hàng	3			A			M		M		M
7	Truyền thông chính sách an sinh xã hội	3			A			M		M		M
8	Tài chính công ty bảo hiểm.	3			A			M		M		M
9	Định phí bảo hiểm.	3			A			M		M		M
10	Nghiên cứu tình huống 2	3	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
11	Đề án tốt nghiệp	3	M	A	A	M	M	M	M	M	M	M
Chuyên ngành Thẩm định giá												
1	Thẩm định giá bất động sản đầu tư	3			A			M		M		M
2	Thẩm định giá doanh nghiệp nâng cao	3			A			M		M		M
3	Thẩm định giá ngân hàng thương mại	3			A			M		M		M
4	Thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập	3			A			M		M		M
5	Thẩm định giá tài sản trí tuệ	3			A			M		M		M
6	Thẩm định giá chứng khoán phái sinh	3			A			M		M		M

7	Ngân hàng số nâng cao	3			A			M		M		M
8	Blockchain & Cryptofinance	3			A			M		M		M
9	Thẩm định đầu tư công	3			A			M		M		M
10	Nghiên cứu tình huống 2	3	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
11	Đề án tốt nghiệp	3	M	A	A	M	M	M	M	M	M	M
Chuyên ngành Hải quan												
1	Đàm phán và phân tích các cam kết quốc tế về hải quan	3			A			M		M		M
2	Quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan	3			A			M		M		M
3	Quản lý hải quan về trị giá hàng hóa	3			A			M		M		M
4	Quản lý hải quan về phân loại và xuất xứ hàng hóa	3			A			M		M		M
5	Quản lý thuế XNK	3			A			M		M		M
6	Kiểm tra sau thông quan	3			A			M		M		M
7	Tài chính công nâng cao	3			A			M		M		M
8	Kiểm toán công	3			A			M		M		M
9	Kiểm soát hải quan nâng cao	3			A			M		M		M
10	Nghiên cứu tình huống 2	3	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
11	Đề án tốt nghiệp	9	M	A	A	M	M	M	M	M	M	M
Chuyên ngành Thuế												
1	Tài chính công nâng cao	3			A			M		M		M
2	Đạo đức thuế	3			A			M		M		M
3	Hoạch định thuế	3			A			M		M		M
4	Thuế quốc tế	3			A			M		M		M
5	Quản lý thuế nâng cao	3			A			M		M		M
6	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3			A			M		M		M
7	Kiểm toán công	3			A			M		M		M

8	Quản lý nhà nước về tài chính	3			A			M		M		M
9	Lý thuyết thuế	3			A			M		M		M
10	Nghiên cứu tình huống 2	3	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
11	Đề án tốt nghiệp	9	M	A	A	M	M	M	M	M	M	M
Chuyên ngành Kho bạc												
1	Quản lý kho bạc	3			A			M		M		M
2	Quản lý ngân sách và các quỹ ngoài ngân sách	3			A			M		M		M
3	Quản lý nợ công	3			A			M		M		M
4	Quản lý đầu tư công	3			A			M		M		M
5	Phân tích chính sách công nâng cao	3			A			M		M		M
6	Kiểm toán nâng cao	3			A			M		M		M
7	Tài chính công nâng cao	3			A			M		M		M
8	Quản lý thuế nâng cao	3			A			M		M		M
9	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3			A			M		M		M
10	Nghiên cứu tình huống 2	3	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
11	Đề án tốt nghiệp	9	M	A	A	M	M	M	M	M	M	M

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

14. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

14.1 Triết học

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh, kinh tế; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành Kinh tế ở trình độ sau đại học.
- Nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Củng cố và nâng cao tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các kinh tế, tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh;

Kỹ năng: Kỹ năng phân tích, so sánh đánh giá để thấy được sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin so với các trường phái triết học khác

Kỹ năng phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

Mức tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng lý luận triết học để tích cực phát hiện và đưa ra những giải pháp phát triển các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, phục vụ đường lối kinh tế của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Thấy được Đảng ta đã sự vận dụng đúng đắn các nguyên lý của triết học Mác - Lênin vào hoàn cảnh cách mạng Việt Nam

Dựa trên các nguyên lý triết học để giải thích khoa học, có thái độ đúng đắn và các giải pháp phù hợp với các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội Việt Nam

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

14.2 Quản trị tài chính hiện đại

a) Mục tiêu học phần:

Mục tiêu chung:

Sau khi học xong môn học này học viên có đủ kiến thức tiếp cận và đánh giá tình hình tài chính của một tổ chức sản xuất kinh doanh, phân tích và ra quyết định quản trị TCDN đồng thời môn học này trang bị cho người học những phương pháp lập kế hoạch tài chính, các kiến thức về tài trợ vốn và phương pháp đánh giá các cơ hội đầu

tư. Tiếp cận với các phương pháp tài chính hiện đại về tài trợ vốn; biết đánh giá và phân tích các cơ hội đầu tư bằng hoạch định ngân lưu trong đầu tư dài hạn, phân tích rủi ro trong đầu tư và cuối cùng là phân tích ra quyết định.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- + Hiểu rõ về tài chính doanh nghiệp, phân biệt được khác nhau giữa TCDN và quản trị TCDN.
- + Hiểu rõ mục tiêu quản trị TCDN.
- + Hiểu rõ các quyết định của TCDN và ra các quyết định quản trị TCDN đạt được mục tiêu của quản trị TCDN.
- + Hiểu rõ và tổ chức được hoạt động tài chính của công ty.
- + Xây dựng được chiến lược tài chính để đảm bảo doanh nghiệp tăng trưởng bền vững.
- + Xây dựng được hệ thống kế hoạch tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định và quản trị tăng trưởng bền vững.

Về kỹ năng:

- + Tổ chức được bộ máy quản trị tài chính trong doanh nghiệp.
- + Vận dụng thành thạo các công cụ TCDN để quản trị, vận dụng ứng dụng CNTT để xử lý dữ liệu.
- + Phân tích, đánh giá và quyết định đầu tư cũng như quản trị tài sản của doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu của chủ sở hữu.
- + Phân tích, ra quyết định khai thác và quản trị nguồn tài trợ với chi phí hợp lý.
- + Phân tích, xây dựng chính sách phân phối trong công ty hài hòa với chính sách tài trợ nhằm tăng giá trị công ty.
- + Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng vận dụng thuật ngữ tiếng Anh, kỹ năng giao tiếp, tự giải quyết vấn đề độc lập

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- + Tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; trách nhiệm công dân.
- + Nhận biết vai trò quan trọng của đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- + Hợp tác, thân thiện, đoàn kết, phát huy trí tuệ tập thể, dám nghĩ dám làm, sáng tạo.
- + Thể hiện được năng lực tự học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

14.3 Báo cáo chuyên đề:

a) Mục tiêu học phần

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.4 Quản trị rủi ro các định chế tài chính

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

• Sau khi học xong học phần này người học sẽ được cung cấp kiến thức nâng cao về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh các định chế tài chính. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro trong các hoạt động các định chế tài chính như rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá, rủi ro thị trường, rủi ro công nghệ và rủi ro hoạt động.

Mục tiêu cụ thể

Kiến thức:

- Mô tả được hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính và tổng quan về quản trị rủi ro các định chế tài chính.
- Phân tích được các rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và ngoại hối, rủi ro thị trường, rủi ro công nghệ và hoạt động.
- Vận dụng được lý thuyết vào hoạt động quản trị thanh khoản.
- Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch bán khoản cho vay.

Kỹ năng:

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về các báo cáo định chế tài chính.
- Có sáng kiến cải tiến và thử nghiệm kiến thức mới trong hoạt động quản lý rủi ro cho các định chế tài chính
- Có kỹ năng thảo luận các vấn đề liên quan hoạt động quản trị rủi ro các định chế tài chính với nhà chuyên môn và khoa học.

Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Có khả năng nghiên cứu trong việc quản trị rủi ro hoạt động các định chế tài chính.
- Có tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ đúng các quy trình quy định trong tác nghiệp.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M),

PLO7(M), PLO9(M).

14.5 Tài chính quốc tế nâng cao:

a) Mục tiêu học phần:

Mục tiêu chung

Môn học này trang bị các kiến thức chuyên sâu về công ty đa quốc gia và các lý thuyết trên thị trường tài chính quốc tế để từ đó học viên có khả năng phân tích, đánh giá và dự báo về các chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá của chính phủ các quốc gia và chính phủ Việt Nam nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng, ổn định và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị các kiến thức chuyên sâu giúp học viên phân tích và đề xuất các quyết định tài chính quan trọng của công ty đa quốc gia trong môi trường hoạt động quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao, có hệ thống về thị trường tài chính quốc tế, các lý thuyết tài chính quốc tế để giúp học viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng các kiến thức được trang bị để độc lập xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến các hoạt động tài chính quốc tế của các công ty nội địa hoặc các công ty đa quốc gia ở Việt Nam và trên thế giới. Bên cạnh đó, với kiến thức được trang bị học viên có thể phân tích, đánh giá và dự báo chính sách tỷ giá của chính phủ Việt Nam khi có những thay đổi trong chính sách của các nước.

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

- Hiểu và phân tích được tổ chức hoạt động tài chính của công ty đa quốc gia trong môi trường tài chính quốc tế.
- Phân tích cán cân thanh toán quốc tế và các yếu tố tác động đến CCTK vãng lai và CCTK tài chính. Kiểm định các yếu tố này lên CCTM trường hợp Việt nam và các nước
- Phân tích và đề xuất các chiến lược vận dụng các phái sinh tiền tệ trong phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong DN.
- Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết TCQT, Phân tích cách thức kiểm định 3 lý thuyết quan trọng trên thị trường TCQT
- Phân tích được cách thức tác động của chính phủ đến tỷ giá và việc điều hành tỷ giá đã ảnh hưởng đến tăng trưởng và hội nhập kinh tế và khủng hoảng tài chính tại các quốc gia và có thể đưa ra hàm ý chính sách.
- Phân tích và vận dụng tốt lý thuyết bất khả thi để đề xuất các lựa chọn chính sách

của chính phủ trong điều hành kinh tế Việt Nam

- Phân tích và đưa ra các quyết định tài chính quan trọng trong công ty đa quốc gia.

Về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề tài chính quốc tế vĩ mô, đặc biệt là thay đổi của chính sách tỷ giá, chính sách lãi suất của các quốc gia đã tác động đến điều hành các chính sách của chính phủ VN
- Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các khía cạnh của tài chính quốc tế, từ đó học viên có thể vận dụng để ứng dụng và kiểm định tại thực tế của thị trường Việt Nam đồng thời phát hiện những điểm bất hợp lý trong chính sách điều hành của chính phủ và đề xuất hướng xử lý phù hợp với thực tiễn của kinh tế Việt Nam.
- Phát triển kỹ năng trình bày và thảo luận vấn đề chuyên môn về TCQT với chuyên gia hoặc trong nhóm nghiên cứu.
- Có kỹ năng đọc, phân tích các bài báo quốc tế có liên quan đến môn học và vận dụng để kiểm định trên thị trường tài chính ở VN và 1 số quốc gia.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCQT
- Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực TCQT; trung thực, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;
- Nhận thức được trách nhiệm xã hội của các công ty đa quốc gia một cách đúng đắn để hài hoà các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp và kinh tế bền vững.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO9(M).

14.6 Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Minh chứng và giải thích một khung phân tích chu đáo và kỹ lưỡng cho phân tích báo cáo tài chính và định giá bao gồm nhiều bước cụ thể.
- CO2: Phân tích hiệu quả các báo cáo tài chính : các đặc điểm kinh tế và điều kiện hiện tại của các ngành kinh doanh cạnh tranh của một công ty; Các chiến lược cụ thể mà công ty thực hiện để cạnh tranh trong từng ngành kinh doanh; Đánh giá mức độ phản ánh của báo cáo tài chính của công ty đối với hiệu quả kinh tế của các quyết định và hành động chiến lược của công ty.
- CO3: Đánh giá khả năng sinh lời và rủi ro của công ty bằng cách sử dụng các tỷ

số tài chính và các công cụ phân tích khác; Dự báo lợi nhuận và rủi ro trong tương lai của công ty, kết hợp với thông tin về những thay đổi dự kiến trong các ngành kinh doanh và chiến lược của công ty.

- CO4: Định giá trị doanh nghiệp thông qua phương pháp định giá khác nhau, đưa ra quyết định đầu tư bằng cách so sánh giá trị của các cổ phiếu với thị giá cổ phiếu quan sát được trên thị trường vốn.

Kỹ năng:

- CO6: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề về phân tích các báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp
- CO7: Xây dựng được các tiêu chí phân tích các báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp. Cụ thể hóa kiến thức phân tích và định giá vào một công ty cụ thể.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về thực trạng tài chính và giá trị doanh nghiệp.
- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến phân tích và định giá doanh nghiệp

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO9(M).

14.7 Quản trị ngân hàng hiện đại

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

- Mô tả và giải thích được hoạt động quản trị của ngân hàng hiện đại cơ sở kế thừa các kiến thức ở bậc đại học, bổ sung thêm những nội dung mới và cập nhật những kiến thức cao cấp chưa được giảng dạy ở bậc đại học. Học viên hiểu được hoạt động ngân hàng hiện đại trong điều kiện rủi ro có tính đa dạng, phức tạp hơn. Am hiểu được các chuẩn mực quốc tế về quản trị trong kinh doanh ngân hàng.
- Người học phân tích được các phương pháp quản trị về mặt kỹ thuật như quản trị vốn tự có, quản trị tài sản – nợ, quản trị thanh khoản, quản trị tín dụng và đầu tư của các NHTM và TCTD.

Mục tiêu cụ thể

Kiến thức:

- Mô tả và giải thích được hoạt động kinh doanh của ngân hàng hiện đại và vận

dụng được chuẩn mực quốc tế trong quản trị kinh doanh ngân hàng.

- Phân tích và vận dụng được quản trị vốn tự có và sự an toàn ngân hàng hiện đại.
- Vận dụng lý thuyết vào quản trị tín dụng, quản trị tài sản-nợ, quản trị thanh khoản
- Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch quản trị rủi ro thị trường, quản trị rủi ro hoạt động và quản trị kết quả kinh doanh ngân hàng hiện đại.

Kỹ năng :

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về các báo cáo tài chính ngân hàng hiện đại.
- Có sáng kiến cải tiến và thử nghiệm kiến thức mới trong hoạt động ngân hàng hiện đại.
- Có kỹ năng thảo luận các vấn đề liên quan hoạt động quản trị ngân hàng hiện đại với nhà chuyên môn và khoa học hoặc với người cùng ngành tài chính ngân hàng.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Thích nghi với môi trường công việc, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- Có tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ đúng các quy trình quy định trong tác nghiệp.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO9(M).

14.8 Nghiên cứu tình huống 1

a) Mục tiêu của học phần

Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này người học sẽ hiểu được các vấn đề cụ thể liên quan đến Ngành Tài chính - Ngân hàng. Giúp học viên củng cố những kiến thức lý thuyết mà học viên đã được trang bị tại nhà trường, bổ sung thêm những kiến thức mới đang được sử dụng trong thực tế. Học viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế, biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu và phân tích được sự khác nhau giữa lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Đánh giá được các vấn đề tài chính ngân hàng trong quá trình nghiên cứu các tình huống để hình thành các ý tưởng liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để đưa ra được các nhận định, các giải pháp phù

hợp Ngành Tài chính - Ngân hàng.

Về kỹ năng:

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, dự báo phục vụ cho xử lý tình huống và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập trong quá trình thực hiện nghiên cứu các tình huống.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Có khả năng đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân, tự định hướng, tự thích nghi và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

14.9 Quản trị danh mục đầu tư:

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về quản trị danh mục đầu tư, bao gồm xác định lợi nhuận và rủi ro danh mục, độ e ngại rủi ro & chiến lược phân phối vốn vào tài sản rủi ro, danh mục rủi ro tối ưu, mô hình chỉ số, mô hình định giá tài sản vốn, lý thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro, và giả thuyết thị trường hiệu quả. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu về tài chính hành vi và phân tích kỹ thuật cũng như cung cấp các bằng chứng thực nghiệm về lợi nhuận chứng khoán thông qua các mô hình chỉ số, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa yếu tố, mô hình Fama-French 3 yếu tố,... Các chủ đề về quản trị danh mục trái phiếu và cổ phiếu, đánh giá hiệu quả hoạt động danh mục, chiến lược quỹ phòng vệ và lý thuyết quản trị danh mục chủ động cũng được giới thiệu trong học phần này.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu được các kiến thức tổng quan về quản lý danh mục đầu tư như lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư; khái niệm độ e ngại rủi ro và chiến lược phân phối vốn vào tài sản rủi ro; xác định danh mục rủi ro tối ưu.
- Phân tích được mô hình chỉ số và mô hình định giá tài sản vốn; thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro; giả thuyết về thị trường hiệu quả; kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích báo cáo tài chính, định giá cổ phiếu; định giá trái phiếu.
- Vận dụng được các lý thuyết mô hình chỉ số và mô hình định giá tài sản vốn;

thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro; thị trường hiệu quả để phân tích và định giá hiệu quả hoạt động danh mục đầu tư.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, lựa chọn danh mục đầu tư để phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư từ góc tiếp cận của lý thuyết quản lý danh mục đầu tư.
- Đánh giá được các vấn đề về quản lý danh mục đầu tư với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(A), PLO8(A), PLO10(A).

14.10 Tài chính hành vi:

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung:

Trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tài chính hành vi như lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng, giả thuyết thị trường hiệu quả, các hiệu ứng tâm lý học, các lệch lạc hành vi của nhà đầu tư và nhà quản lý. Với các kiến thức được trang bị, học viên có thể hiểu được các lý thuyết nền tảng của tài chính hành vi, phân tích tâm lý và lệch lạc hành vi của nhà đầu tư, nhà quản trị doanh nghiệp trong các tình huống thực tiễn, từ đó có thể tránh các lệch lạc hành vi do tâm lý tác động trong các quyết định đầu tư và quyết định quản trị. Học viên có thể vận dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích, phân tích các quyết định của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường tiền thuật toán cũng như có thể phân tích các quyết định của nhà quản lý doanh nghiệp đối với chính sách chi trả cổ tức và quyết định tài trợ, hoạch định ngân sách vốn trên quan điểm của tài chính hành vi.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu được các kiến thức tổng quan về tài chính hành vi như khái niệm, tài chính xúc cảm, tâm lý học rủi ro và những ứng dụng của tài chính hành vi.
- Phân tích được thị trường hiệu quả và thị trường không hiệu quả
- Vận dụng được hiệu ứng tâm lý học, lý thuyết triển vọng, các lệch lạc hành vi,

các mô hình dựa trên sở thích và niềm tin để giải thích hành vi ra quyết định của nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức và hành vi thực hiện quyết định tài trợ, hoạch định ngân sách vốn đầu tư, chính sách cổ tức, mua bán và sáp nhập của nhà quản lý doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, dự báo tài chính để phân tích và đưa ra các quyết định tài chính từ góc tiếp cận của tài chính hành vi.
- Đánh giá được các vấn đề về tài chính hành vi với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.11 Mua bán và sáp nhập:

a) Mục tiêu học phần

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.12 Ngân hàng số nâng cao

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

- Sau khi học xong học phần này người học sẽ hiểu được về ngân hàng số như: quy trình nghiệp vụ số, kiểm soát, dự báo rủi ro khi thực hiện nghiệp vụ số, các công nghệ ngân hàng sử dụng để thực hiện nghiệp vụ số, các ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Từ đó thực hiện được các nghiệp vụ trên nền tảng số, phân tích được rủi ro trong hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

Mục tiêu cụ thể

Kiến thức :

- Hiểu được quy trình thực hiện các nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ.
- Phân tích được các công nghệ ngân hàng đang sử dụng để cung cấp dịch vụ cho

khách hàng.

- Vận dụng để cung cấp các nghiệp vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ.
- Nhận diện và phân tích được các rủi ro trong hoạt động ngân hàng số.

Kỹ năng:

- Thực hiện được các nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ.
- Ra quyết định cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên nền tảng công nghệ.
- Quản trị được thông tin và bảo mật thông tin trên nền tảng công nghệ.

Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Làm chủ được các công nghệ trong cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên nền tảng công nghệ.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.13 Quản trị rủi ro tài chính

a) Mục tiêu học phần:

Mục tiêu chung

Môn học này trang bị cho người học những hiểu biết về các rủi ro tài chính mà doanh nghiệp phải đối mặt trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Đồng thời cung cấp cho người học các phương pháp, chiến lược quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro tài chính khác nhau.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

- Hiểu rõ và tổ chức được hoạt động quản trị rủi ro tài chính của doanh nghiệp.
- Phân tích, đánh giá hoạt động đầu tư cũng như xây dựng các chính sách quản trị rủi ro trong đầu tư cho doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu của chủ sở hữu.
- Phân tích, đánh giá tình hình rủi ro do sự biến động giá ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu các thủ thuật quản trị rủi ro và vận dụng được các thủ thuật này để quản trị các rủi ro do sự biến động giá.
- Nhận dạng, phân tích, xây dựng chính sách quản trị rủi ro tín dụng.
- Nhận dạng, phân tích và xây dựng chính sách quản trị rủi ro thanh khoản.
- Nhận dạng, phân tích, đánh giá những đổi mới về công nghệ trong giai đoạn hiện

nay ảnh hưởng đến rủi ro tài chính của doanh nghiệp từ đó xây dựng được các giải pháp khắc phục các tác động không mong đợi.

Về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề quản trị rủi ro tài chính.
- Phát triển kỹ năng trình bày và thảo luận vấn đề chuyên môn về QTRRTC với chuyên gia hoặc trong nhóm nghiên cứu.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học QTRRTC.
- Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực QTRRTC; trung thực, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.
- Nhận thức được trách nhiệm xã hội của các công ty một cách đúng đắn để hài hoà các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp và kinh tế bền vững.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.14 Chiến lược tài chính công ty

a) Mục tiêu học phần:

Mục tiêu chung:

Học phần nhằm trang bị các kiến thức tổng quan về chiến lược tài chính công ty, các nguyên tắc hoạch định chiến lược, nhận diện các giai đoạn khác nhau trong chu kỳ sống của doanh nghiệp, rủi ro trong DN, ra quyết định đầu tư hiệu quả, huy động nguồn tài trợ bên trong và nguồn tài trợ bên ngoài khi hoạch định chiến lược tài chính cho doanh nghiệp, hiểu được cách thức hoạt động và vai trò của thị trường tài chính và các định chế tài chính trung gian, các quỹ đầu tư mạo hiểm, tác động của chính sách cổ tức đến cấu trúc vốn, phân tích và hoạch định chiến lược tài chính trong DN trưởng thành hay trong DN giai đoạn suy thoái, hiểu về các phương thức tái cấu trúc công ty có khả năng làm thay đổi cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc thay đổi quyền sở hữu và quyền kiểm soát.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Nhận diện các giai đoạn trong chu kỳ sống của doanh nghiệp căn cứ vào mức độ minh bạch thông tin và mẫu hình dòng tiền.
- Nhận diện được rủi ro kinh doanh gắn với quyết định đầu tư và rủi ro tài chính

gắn với quyết định tài trợ.

- Hiểu được tác động của đòn bẩy kinh doanh và đòn bẩy tài chính trong việc hoạch định chiến lược tài chính cho các công ty.
- Phân tích được cách thức kết hợp quyết định đầu tư; quyết định tài trợ và quyết định phân phối để hoạch định chiến lược tài chính gắn với từng giai đoạn phát triển trong chu kỳ sống với mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty.
- Phân tích được các phương thức tái cấu trúc công ty có khả năng làm thay đổi cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc thay đổi quyền sở hữu và quyền kiểm soát.

Về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp của học viên đối với các giai đoạn trong chu kỳ sống của doanh nghiệp.
- Phát triển kỹ năng xây dựng chiến lược tài chính của doanh nghiệp gắn với từng chu kỳ sống
- Phát triển kỹ năng trình bày và thảo luận vấn đề chuyên môn về chiến lược tài chính với chuyên gia hoặc trong nhóm nghiên cứu.
- Có kỹ năng đọc, phân tích các case study hoặc bài báo quốc tế có liên quan đến chiến lược tài chính công ty và vận dụng để đề xuất chiến lược

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để xây dựng chiến lược tài chính công ty nhằm mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty trong từng giai đoạn sống.
- Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực chiến lược tài chính; trung thực, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn cũng như các đề xuất;
- Nhận thức được vai trò của chiến lược tài chính công ty trong chu kỳ sống của doanh nghiệp để có trách nhiệm với chiến lược tài chính đã xây dựng.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.15 Tài chính khởi nghiệp

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể:

- Hiểu sự khác nhau giữa Tài chính khởi nghiệp và Tài chính công ty cổ phần.
- Biết được mục tiêu tối đa hóa giá trị của người khởi nghiệp là trọng tâm để nghiên

cứu tài chính khởi nghiệp.

- Có khả năng mô tả quá trình hình thành dự án mới từ lúc có ý tưởng cho đến khi dự án đi vào vận hành.
- Nhận biết việc nghiên cứu tài chính khởi nghiệp sẽ dẫn đến việc thực hiện đầu tư và quyết định tài chính tốt hơn, nâng cao khả năng thiết lập dự án thành công.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Sau khi học xong học phần này học viên sẽ được trang bị những kiến thức:

- Hiểu và phân loại các mô hình tài chính khởi nghiệp.
- Hiểu và lập kế hoạch kinh doanh.
- Hiểu và nhận diện được vai trò của tài chính trong những doanh nghiệp khởi nghiệp.
- Hiểu được các mô hình khởi nghiệp, như: doanh nghiệp khởi nghiệp mới hoàn toàn, doanh nghiệp hiện có phát triển thêm quy mô và chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp.
- Hiểu và vận dụng được các kiến thức tài chính trong từng mô hình khởi nghiệp khác nhau: từ chiến lược, tổ chức lại, xây dựng hệ thống quản lý bài bản, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, quản lý tài chính, rủi ro...
- Có khả năng phân tích các sự việc, hiện tượng, tình huống thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính khởi nghiệp
- Có khả năng tổng hợp, đánh giá các lý thuyết, các sự việc hiện tượng, tình huống thực tiễn đến lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.

Kỹ năng:

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về tài chính khởi nghiệp để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính trong các doanh nghiệp khởi nghiệp.
- Có kỹ năng trong việc truyền đạt tri thức dựa trên các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính khởi nghiệp; có kỹ năng thảo luận các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính trong các doanh nghiệp khởi nghiệp.
- Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến liên quan trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- Có kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm.

Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Năng lực nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu, phân tích số liệu nghiên cứu, đưa ra những giải pháp quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính

khởi nghiệp.

- Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- Năng lực dẫn dắt chuyên môn, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- Phẩm chất, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.

b) **Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:** PLO3(M), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.16 Blockchain and Cryptofinance

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

Học phần này nhằm cung cấp tổng quan các kiến thức, kỹ năng, và tính tự chủ về chủ đề tiền điện tử và blockchain có liên quan đến lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, bao gồm các nội dung như cơ chế vận hành, ứng dụng, rủi ro và các qui định có liên quan.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có khả năng

- Hiểu được cách thức các nguyên tắc Tài chính Ngân hàng tác động đến việc thiết kế và vận hành của các loại tiền điện tử.
- Hiểu được cơ chế vận hành của tiền điện tử và đợt phát hành lần đầu (ICO - Initial Coin Offering).
- Hiểu được tác động tiềm năng mà blockchain có thể áp đặt lên các khía cạnh khác nhau của quản trị doanh nghiệp
- Hiểu được các khuôn khổ quy định và cách chúng tương tác với ngành công nghiệp blockchain.

Về kỹ năng:

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có khả năng:

- Sử dụng được các công cụ hiện đại để phát triển các chiến lược fintech liên quan đến blockchain.
- Có khả năng hợp tác với các cơ quan quản lý và những người hành nghề fintech

liên quan đến việc sử dụng blockchain.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có khả năng:

- Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng có liên quan để đánh giá các mô hình kinh doanh của các dự án blockchain khác nhau
- Nhận ra lợi thế và rủi ro tiềm ẩn của các công nghệ gây quỹ dựa trên nền tảng blockchain khác nhau

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.17 Ngân hàng đầu tư nâng cao

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

- Sau khi học xong học phần này người học sẽ mô tả, giải thích, so sánh được các nghiệp vụ trong ngân hàng đầu tư. Đồng thời người học còn có thể xác định được khung pháp lý và đạo đức trong hoạt động của ngân hàng đầu tư.

Mục tiêu cụ thể

Kiến thức:

- Mô tả và giải thích được tổ chức hoạt động và các sản phẩm của ngân hàng đầu tư.
- Mô tả và phân biệt được các nghiệp vụ truyền thống và hiện đại của ngân hàng đầu tư.
- Giải thích được việc quản lý hoạt động và rủi ro trong ngân hàng đầu tư
- Xác định được khung pháp lý và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động ngành ngân hàng đầu tư.

Kỹ năng:

- Thực hiện được các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư.
- Ra quyết định cung cấp dịch vụ cho khách hàng
- Xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh trong hoạt động đầu tư.

Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Có khả năng làm chủ được bản thân trong cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Phải chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong hoạt động ngân hàng đầu tư.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M),

PLO8(M), PLO10(M).

14.18 Quản trị và giám sát khu vực công

a) Mục tiêu học phần

Kiến thức:

- CO1: Hiểu được những yếu tố tác động đến chiến lược quản trị công, ở mức cụ thể như là một tổ chức thuộc khu vực công hoặc ở mức tổng quát, trên bình diện xã hội.
- CO2: Nắm được các yếu tố đầu vào (inputs) cần thiết trong việc vận hành một cơ chế quản trị công như yếu tố tài chính và yếu tố con người
- CO3: Hiểu và đo lường được tiêu chí “chất lượng” trong hoạt động của tổ chức thuộc khu vực công, cũng như các yếu tố cấu thành tiêu chí ấy.
- CO4: Nắm bắt được các xu thế cải cách trong quản trị công từ đó điều chỉnh hành vi cho phù hợp với vị trí công tác.
- CO5: Có kiến thức về lãnh đạo khu vực công, biết cách cụ thể hóa kiến thức được trang bị vào thực tiễn. Nắm bắt được tính chính trị của chính sách công, từ đó có thể góp phần xây dựng chính sách phù hợp, được sự đồng thuận của xã hội

Kỹ năng:

- CO6: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề về quản trị và giám sát khu vực công
- CO7: Xây dựng được các tiêu chí đánh giá hoạt động của khu vực công trên góc độ quản trị và giám sát. Cụ thể hóa kiến thức quản trị và giám sát khu vực công vào thực tiễn công tác.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về quản trị công
- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến quản trị công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.19 Tài chính công nâng cao

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Hiểu được bản chất của tài chính công theo cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù của Việt Nam.
- CO2: Nắm được quy mô và tính chất của tài chính công từ góc độ cụ thể (hành

vi) đến góc độ tổng thể (vĩ mô).

- CO3: Tiếp cận được với những vấn đề đương đại trong lĩnh vực tài chính công như chính sách tài khóa, vay nợ của khu vực công ...

Kỹ năng:

- CO4: Nâng cao được kỹ năng phân tích chính sách tài chính và đánh giá được tác động của chính sách tài chính đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế như hiệu quả - công bằng và ổn định.
- CO5: Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của ngành tài chính.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO6: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực tài chính công
- CO7: có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.20 Thẩm định đầu tư công

a) Mục tiêu học phần

Kiến thức:

- CO1: Nắm vững kiến thức về đầu tư công, đặc biệt là những khoản đầu tư liên quan đến dự án xây dựng cơ bản từ nguồn vốn NSNN
- CO2: Nắm vững các nguyên lý tiếp cận và đánh giá một dự án công trên những quan điểm khác nhau.
- CO3: Phân tích và đề xuất các phương pháp phù hợp để đánh giá các dự án công

Kỹ năng:

- CO4: Nhận diện được lợi ích và chi phí của dự án trên quan điểm kinh tế
- CO5: Sử dụng thành thạo các công cụ và kỹ năng phân tích dự án để đánh giá dự án, đặc biệt là đánh giá trên quan điểm kinh tế - xã hội.
- CO6: Đánh giá được hiệu quả của dự án đối với nền kinh tế, từ đó có thể mở rộng kiến thức nhằm đánh giá những chương trình chi tiêu của chính phủ.
- CO7: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng tổng hợp để đánh giá kinh tế một dự án công liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản trong một lĩnh vực cụ thể như các dự án

cơ sở hạ tầng của nền kinh tế ...

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực đầu tư công
- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến đầu tư công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.21 Quản lý chi tiêu công

a) Mục tiêu học phần

Kiến thức:

- CO1: Nắm bắt được phạm vi, tính chất của chi tiêu công trên cơ sở phân tích vai trò của chính phủ trong nền kinh tế đương đại.
- CO2: Có kiến thức về những khía cạnh cần thiết để tham gia giám sát ngân sách theo khuôn khổ chức năng và những quy định của pháp luật.
- CO3: Nắm bắt được kiến thức và quy trình quản trị được dòng tiền dành cho chi tiêu công theo xu hướng hiện đại hóa.
- CO4: Hoạch định và xây dựng được các kế hoạch ngân sách (3-5 năm) và khuôn khổ chi tiêu công trung hạn; phù hợp với hướng cải cách ngân sách của Việt Nam.

Kỹ năng:

- CO5: Có đủ kiến thức và kỹ năng, công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách chi tiêu của quốc gia và địa phương.
- CO6: Có đủ kiến thức và kỹ năng trong việc hoạch định ngân sách, quản lý ngân sách đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn minh bạch – trách nhiệm và hiệu quả.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO7: Có khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực chi tiêu công, có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này.
- CO8: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chi tiêu công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.22 Tài chính công nâng cao: nghiên cứu ứng dụng

a) Mục tiêu học phần

Kiến thức:

- CO1: Hiểu được bản chất của tài chính công theo cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù của Việt Nam.
- CO2: Nắm được quy mô và tính chất của tài chính công từ góc độ cụ thể (hành vi) đến góc độ tổng thể (vĩ mô).
- CO3: Tiếp cận được với những vấn đề đương đại trong lĩnh vực tài chính công như chính sách tài khóa, vay nợ của khu vực công ...

Kỹ năng:

- CO4: Nâng cao được kỹ năng phân tích chính sách tài chính và đánh giá được tác động của chính sách tài chính đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế như hiệu quả - công bằng và ổn định.
- CO5: Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của ngành tài chính.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO6: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực tài chính công.
- CO7: có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.23 Phân tích chính sách thuế nâng cao:

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Nắm vững và phân tích được mô hình thuế hiệu quả của thuế trực thu và gián thu.
- CO2: Hiểu và phân tích được chính sách thuế từ góc độ chính sách và tác dụng.
- CO3: Phân tích và đề xuất các chiến lược về tác động của thuế trên những lĩnh vực khác nhau.

Kỹ năng:

- CO4: Có khả năng so sánh và đánh giá chính sách thuế với thực tiễn vận hành chính sách thuế của Việt Nam.
- CO5: Hiểu được căn nguyên của việc ban hành một chính sách thuế và những thách thức xuất phát từ thực tiễn.
- CO6: Xác định được định hướng nghiên cứu chính sách thuế ở những góc độ

khác nhau cho luận văn tốt nghiệp về sau.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO7: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về chính sách thuế.
- CO8: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chính sách thuế.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.24 Nghiên cứu tình huống 2

a) Mục tiêu của học phần

Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này người học sẽ hiểu được các vấn đề cụ thể liên quan đến chuyên ngành đã lựa chọn học. Giúp học viên củng cố những kiến thức lý thuyết mà học viên đã được trang bị tại nhà trường, bổ sung thêm những kiến thức mới đang được sử dụng trong thực tế. Học viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế, biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu và phân tích được sự khác nhau giữa lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Đánh giá được các vấn đề tài chính ngân hàng trong quá trình nghiên cứu các tình huống để hình thành các ý tưởng liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để đưa ra được các nhận định, các giải pháp phù hợp theo từng chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc.

Về kỹ năng:

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, dự báo phục vụ cho xử lý tình huống và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập trong quá trình thực hiện nghiên cứu các tình huống.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Có khả năng đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân, tự định hướng, tự thích nghi

và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(A), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

14.25 Kinh tế bảo hiểm

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức về cơ bản, hiện đại, có hệ thống và phù hợp với pháp luật Việt Nam về kinh tế bảo hiểm, bao gồm: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu kiến thức về sự cần thiết của bảo hiểm, định nghĩa và bản chất của bảo hiểm, đối tượng nghiên cứu môn học kinh tế bảo hiểm, mối quan hệ giữa bảo hiểm với phát triển kinh tế xã hội; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như bản chất, đối tượng, tính chất và chức năng của bảo hiểm xã hội, BHYT; quỹ Bảo hiểm xã hội, BHYT; hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội; BHXH, BHYT Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường.
- Phân tích được tác dụng của bảo hiểm thương mại; quỹ bảo hiểm thương mại; những nguyên tắc chung trong hoạt động của bảo hiểm thương mại; các loại hình bảo hiểm thương mại; khái quát chung về hợp đồng bảo hiểm thương mại.
- Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn như xác định rủi ro, tính phí và số tiền bồi thường đối với bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; và của người tham gia bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, tính số tiền bồi thường của công ty bảo hiểm đối với từng hợp đồng bảo hiểm cụ thể
- Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn như xác định được mức nộp và phương thức nộp phí BHXH, BHYT của người lao động và người sử dụng lao động; Cách thanh toán, chi trả tiền bảo hiểm cho các chế độ BHXH, BHYT đối với người lao động.
- Vận dụng các kiến thức nền tảng về Kinh tế bảo hiểm, để giải quyết các vấn đề có tính chuyên môn trong thực tiễn nghề nghiệp để tư vấn cho khách hàng và người thân lựa chọn các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ phù hợp.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề về kinh tế bảo hiểm.
- Đánh giá được các vấn đề về kinh tế bảo hiểm với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh

trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cần trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.26 Nguyên lý an sinh xã hội

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức kiến thức chuyên sâu về an sinh xã hội với những nội dung trọng tâm mang tính nguyên lý tổng quát và những quy định cụ thể của Liên hiệp quốc và Tổ chức lao động quốc tế (ILO), bao gồm những kiến thức nền tảng, tổng quan, từ khái niệm,, đặc trưng, bản chất, nguyên tắc, vai trò, chức năng, cấu trúc; đến các cơ sở hoạch định, xây dựng, quản lý, tài chính, cùng các chế độ cơ bản của an sinh xã hội; đồng thời, học phần có liên hệ, cụ thể hóa với những quy định pháp luật Việt Nam, giúp cho việc liên hệ vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu kiến thức nền tảng, tổng quan nhất về an sinh xã hội trong lịch sử, phát triển của nhân loại
- Phân tích được cơ sở hoạch định, xây dựng, trách nhiệm cũng như cơ chế hoạt động, vận hành của an sinh xã hội
- Phân tích các nội dung trọng tâm về quản lý an sinh xã hội, từ công cụ, nguyên tắc quản lý, cấu trúc hệ thống, các cấp quản lý và vấn đề quản lý nghiệp vụ an sinh xã hội.
- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tài chính của an sinh xã hội, hiểu sâu các quan niệm, tài chính của các chế độ an sinh xã hội ngắn hạn, dài hạn, chi phí quản lý và vấn đề đầu tư quỹ an sinh xã hội vào cuộc sống.
- Vận dụng phân tích được những nguyên lý cơ bản theo quy định của Liên hiệp quốc và Tổ chức Lao động quốc tế và các chế độ an sinh xã hội phổ quát hiện đang được các quốc gia trên thế giới thực hiện; phục vụ hiệu quả cho việc nghiên cứu, vận dụng tại Việt Nam.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề mang

tính khái quát về cơ sở lý luận và thực tiễn an sinh xã hội thế giới cũng như trong nước.

- Đánh giá được các vấn đề về an sinh xã hội với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.27 Chính sách về an sinh xã hội, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Việt Nam và các nước

a) Mục tiêu học phần:

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức về trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ BHXH, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân. Phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng – hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách BHXH tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch, đồng thời đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu kiến thức tổng quan về chính sách an sinh xã hội, BHXH, BHYT Việt Nam và một số nước điển hình trên thế giới.
- Phân tích được vị trí, vai trò, chức năng, bản chất, nguyên tắc các trụ cột BHXH, BHYT trong hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam và các nước.
- Phân tích lực phân tích, xây dựng, nghiên cứu, đề xuất, ứng dụng thực hiện chính sách an sinh xã hội, BHXH, BHYT tại Việt Nam
- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tài chính của an sinh xã hội, hiểu sâu các quan niệm, tài chính của các chế độ an sinh xã hội ngắn hạn, dài hạn, chi phí quản lý và vấn đề đầu tư quỹ an sinh xã hội vào cuộc sống.
- Vận dụng quản lý, thực hiện và phát triển an sinh xã hội, BHXH, BHYT.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề chính

sách an sinh xã hội, BHXH, BHYT.

- Đánh giá được các vấn đề về chính sách an sinh xã hội, BHXH, BHYT với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cần trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.28 Công nghệ Bảo hiểm

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức về các mô hình kinh doanh mới, hiểu và phá vỡ mô hình bảo hiểm hiện tại, chiến lược thu hút khách hàng và cách tổ chức cấu trúc công ty của bạn để tận dụng các cơ hội cải thiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Phân tích được các mô hình trung gian và phân phối bảo hiểm.
- Phân tích các vấn đề tồn tại đối với nền kinh tế hội nhập và cơ hội, thách thức của ngành bảo hiểm.
- Phân tích được các vấn đề liên quan Robo-tư vấn và AI.
- Phân tích được vấn đề quốc tế hóa InsurTech.
- Vận dụng xây dựng hệ sinh thái chuỗi giá trị InsurTech.
- Vận dụng đánh giá xu hướng của InsurTech trong tương lai.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề công nghệ bảo hiểm.
- Đánh giá được các vấn đề về công nghệ bảo hiểm với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cần trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng

đồng.

- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.29 Quản trị rủi ro định chế tài chính phi ngân hàng

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính phi ngân hàng. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro trong các định chế tài chính, từ đó thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp, hiệu quả đối với từng định chế tài chính như công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty tài chính.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu được các kiến thức vai trò của các định chế tài chính; hiểu và phân tích rủi ro và các phương pháp đo lường và quản trị rủi ro.
- Trình bày được các loại rủi ro thường gặp tại các định chế tài chính phi ngân hàng.
- Vận dụng cách đo lường các loại rủi ro và quản trị rủi ro lãi suất trong các định chế tài chính phi ngân hàng.
- Vận dụng cách đo lường các loại rủi ro và quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái trong các định chế tài chính phi ngân hàng.
- Vận dụng cách đo lường các loại rủi ro và quản trị rủi ro thanh khoản trong các định chế tài chính phi ngân hàng.
- Vận dụng cách đo lường các loại rủi ro và quản trị rủi ro tín dụng trong các định chế tài chính phi ngân hàng.
- Vận dụng phân tích chất lượng nguồn vốn và vốn chủ sở hữu trong các định chế tài chính phi ngân hàng.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính và quản trị rủi ro các định chế tài chính phi ngân hàng.
- Đánh giá được các vấn đề về và quản trị rủi ro các định chế tài chính phi ngân hàng với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.30 Truyền thông về chính sách an sinh xã hội

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về truyền thông an sinh xã hội với những nội dung cơ sở lý luận tổng quát mang tính chất nền tảng của truyền thông, truyền thông an sinh xã hội; đặc biệt học phần tập trung đi sâu phân tích những vấn đề mang tính ứng dụng thực tiễn trọng tâm về quản trị truyền thông, nội dung, hình thức, phương pháp truyền thông an sinh xã hội, xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông, tổ chức thực hiện truyền thông an sinh xã hội; giúp cho học viên vừa có kiến thức lý luận chuyên sâu, vừa nắm chắc, hiểu sâu những vấn đề thực tiễn truyền thông an sinh xã hội thế giới, quy chiếu, liên hệ tới thực tiễn Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu các kiến thức cơ sở lý luận cơ bản, hệ thống về truyền thông nói chung, truyền thông an sinh xã hội nói riêng, làm tiền đề cho việc nghiên cứu, ứng dụng tại Việt Nam
- Mô tả được phương pháp, kỹ năng quản trị truyền thông an sinh xã hội, nhất là trong việc xử lý, ứng phó, giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong quản trị mạng xã hội, xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông an sinh xã hội.
- Phân tích được các nội dung, hình thức, phương pháp truyền thông một cách có hệ thống, logic, liên thông, đồng bộ, để có thể ứng dụng tốt trong thực tiễn truyền thông an sinh xã hội đang đặt ra.
- Vận dụng để xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông, thiết thực đáp ứng yêu cầu tăng cường truyền thông xây dựng, phát triển sự nghiệp an sinh xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Vận dụng để giải quyết được những vấn đề trọng tâm trong tổ chức thực hiện truyền thông an sinh xã hội, nắm bắt được các dạng thức tổ chức thực hiện, cách thức đánh giá hiệu quả truyền thông; liên hệ vận dụng hiệu quả vào thực tiễn truyền thông an sinh xã hội ở Việt Nam.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề vấn

đề lý luận, thực tiễn truyền thông an sinh xã hội thế giới cũng như trong nước.

- Đánh giá được các vấn đề truyền thông an sinh xã hội với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.31 Tài chính công ty bảo hiểm

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề tài chính trong công ty bảo hiểm như: doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phương thức quản trị nợ, hoạt động đầu tư và khả năng thanh toán, tình hình tài chính trong công ty bảo hiểm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Phân tích được các quyết định tài chính trong công ty bảo hiểm.
- Xác định được các loại doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong công ty bảo hiểm.
- Hiểu được dự phòng nghiệp vụ trong công ty bảo hiểm phi nhân thọ và xác định được cách trích lập dự phòng.
- Hiểu được dự phòng nghiệp vụ trong công ty bảo hiểm nhân thọ và xác định được cách trích lập dự phòng
- Phân tích được rủi ro và TSSL hoạt động đầu tư của công ty bảo hiểm.
- Tính toán được khả năng thanh toán trong công ty bảo hiểm
- Phân tích được tình hình tài chính công ty bảo hiểm, thông qua các chỉ tiêu tài chính

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính công ty bảo hiểm.
- Đánh giá được các vấn đề về và quản trị rủi ro tài chính công ty bảo hiểm với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn

đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.32 Định phí bảo hiểm

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung:

Trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan về các nguyên tắc và các cơ sở kỹ thuật tính phí sản phẩm bảo hiểm. Vận dụng tính phí bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ. Xác định các cơ sở tính dự phòng nghiệp vụ. Đánh giá khả năng thanh toán trong công ty bảo hiểm.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Trình bày tổng quan về các nguyên tắc tính phí sản phẩm bảo hiểm.
- Trình bày các cơ sở kỹ thuật của tính phí sản phẩm bảo hiểm.
- Vận dụng tính phí bảo hiểm nhân thọ.
- Vận dụng tính phí bảo hiểm phi nhân thọ.
- Xác định các cơ sở tính dự phòng nghiệp vụ.
- Đánh giá khả năng thanh toán trong công ty bảo hiểm.
- Vận dụng đến tính dự phòng và xác định khả năng thanh toán của công ty bảo hiểm cụ thể trên thị trường.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực định phí bảo hiểm.
- Đánh giá được các vấn đề về định phí bảo hiểm với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng

đồng.

- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.33 Thẩm định giá bất động sản đầu tư:

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Vận dụng các phương pháp và kỹ thuật thẩm định giá phù hợp để ước tính giá trị của một số loại hình bất động sản cụ thể như chung cư, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, bất động sản công nghiệp, đất an viên, rừng và đất rừng, hầm mỏ, khách sạn và nhà nghỉ.

Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Người học có đầy đủ kiến thức về thẩm định giá chuyên sâu, từ lý thuyết thẩm định giá đến thị trường tài sản và phương pháp thẩm định giá từng loại bất động sản đầu tư cụ thể.

Về kỹ năng:

- Người học có thể phân tích, đánh giá được thông tin thị trường, sử dụng phương pháp phù hợp để xác định giá trị của tài sản cụ thể; tổ chức thực hiện và thuyết minh kết quả thẩm định giá

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Người học chủ động học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn; đưa ra ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn; có ý thức và cảm thụ được vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động thực tiễn.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.34 Thẩm định giá doanh nghiệp nâng cao:

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Có các kiến thức để ước tính tham số rủi ro, chi phí tài chính và tỷ lệ tăng trưởng, các phương pháp thẩm định giá tương đối, thẩm định giá các loại hình doanh nghiệp cụ thể và các doanh nghiệp có bối cảnh hoạt động kinh doanh đặc thù. Học viên cũng được trang bị các kiến thức thực tế thông qua việc trực tiếp xử lý các bài tập tình huống và các báo cáo chuyên đề về thẩm định giá các đối tượng doanh nghiệp cụ thể của Việt Nam

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Biết cách tính hệ số beta, hiểu các yếu tố quyết định thứ hạng tín dụng của trái phiếu công ty, biết cách tính tỷ lệ tăng trưởng trong từng trường hợp cụ thể của công ty;
- Vận dụng các bội số của các công ty tương tự để ước tính giá trị của công ty theo phương pháp tương đối;
- Lựa chọn phương pháp thẩm định giá phù hợp để thẩm định giá các công ty dịch vụ tài chính;
- Hiểu và biết vận dụng cách điều chỉnh lợi nhuận để thẩm định giá các công ty có thu nhập âm;
- Hiểu và biết vận dụng các thông tin bị hạn chế để thẩm định giá các công ty khởi nghiệp;
- Vận dụng các dữ liệu đầu vào để thẩm định giá các công ty tư nhân;
- Xác định xác suất vỡ nợ và tỷ lệ dự phòng vỡ nợ để thẩm định giá vốn cổ phần của các công ty kiệt quệ tài chính và có đòn bẩy tài chính cao

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về đặc điểm của doanh nghiệp để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp;
- Có kỹ năng nâng cao trong việc truyền đạt tri thức cũng như thảo luận các vấn đề thực tiễn với nhà chuyên môn, nhà khoa học, người cùng ngành và những người khác về các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp;
- Có kỹ năng vượt trội trong tổ chức, quản trị các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến các lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp; sử dụng công nghệ mới một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp liên quan đến các lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Năng lực tự nghiên cứu, khám phá các vấn đề mới, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp;
- Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp;
- Phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.35 Thẩm định giá ngân hàng thương mại:

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Đọc hiểu các báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại, từ đó có thể vận dụng để phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, học viên biết vận dụng kiến thức về sản phẩm và chiến lược sản phẩm của ngân hàng thương mại để phân tích đối thủ cạnh tranh trong ngành ngân hàng và phân tích chiến lược kinh doanh của ngân hàng thương mại cũng như biết vận dụng các phương pháp thẩm định giá để ước tính giá trị của các ngân hàng thương mại phù hợp với thị trường

Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Hiểu khái niệm ngân hàng, chức năng và các dịch vụ của ngân hàng thương mại; xác định được các nhân tố tác động đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại;
- Đọc, hiểu các báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại;
- Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại thông qua các báo cáo tài chính;
- Biết phân loại sản phẩm, xác định được chu kỳ sống, hiểu cách phát triển sản phẩm mới và các nhân tố tác động đến chiến lược sản phẩm của ngân hàng thương mại;
- Phân tích đối thủ cạnh tranh, cách nhận dạng các đối thủ cạnh tranh trong ngành ngân hàng;
- Phân tích chiến lược kinh doanh, phân tích thị trường của các ngân hàng thương mại trong tương lai ngắn hạn và dài hạn;
- Vận dụng các phương pháp thẩm định giá phù hợp với đặc điểm của các ngân hàng thương mại.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về đặc điểm của ngân hàng thương mại để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá ngân hàng thương mại;
- Có kỹ năng nâng cao trong việc truyền đạt tri thức cũng như thảo luận các vấn đề thực tiễn với nhà chuyên môn, nhà khoa học, người cùng ngành và những người khác về các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá ngân hàng thương mại;
- Có kỹ năng vượt trội trong tổ chức, quản trị các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến các lĩnh vực thẩm định giá ngân hàng thương mại; sử dụng công nghệ mới một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp liên quan đến các lĩnh vực thẩm định giá ngân hàng thương mại

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Năng lực tự nghiên cứu, khám phá các vấn đề mới, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá ngân hàng thương mại;
- Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực thẩm định giá ngân hàng thương mại;
- Phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.36 Thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập:

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Có các kiến thức về hoạt động mua bán sáp nhập, các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập ở Việt Nam, các phương pháp thẩm định giá các thương vụ mua bán sáp nhập. Học viên được học từ các tình huống thực tế về thẩm định giá các thương vụ mua bán sáp nhập tại Việt Nam, bằng cách này phát huy được tính sáng tạo, nhanh nhạy trong xử lý vấn đề của học viên

Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

Người học có đầy đủ kiến thức về thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập từ cơ bản đến chuyên sâu, từ quy định về pháp lý đến phương pháp thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập, phân tích và đánh giá các quyết định mua bán cũng như xác định nguồn tài trợ.

Về kỹ năng:

Người học có thể phân tích, đánh giá được thông tin thị trường, sử dụng phương pháp thẩm định giá thương vụ M&A phù hợp trong hoàn cảnh cụ thể

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Người học chủ động học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn; đưa ra ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn; có ý thức và cảm thụ được vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động thực tiễn.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.37 Thẩm định giá tài sản trí tuệ:

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Hiểu được các kiến thức về tài sản trí tuệ, vận dụng được các quy định pháp luật của Việt Nam đối với từng đối tượng tài sản trí tuệ cụ thể, biết cách vận dụng các phương pháp và kỹ thuật thẩm định giá tiếp cận theo chi phí, thu nhập và thị trường để ước tính giá trị của các tài sản trí tuệ như thương hiệu cho mục đích nhượng

quyền, quyền tác giả, công nghệ, v.v... Dựa vào các dữ liệu thực tế, học viên có thể thực hiện các báo cáo chuyên đề thực tế về thẩm định giá các tài sản trí tuệ ở Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Người học có đầy đủ kiến thức về thẩm định giá chuyên sâu, từ lý thuyết thẩm định giá đến thị trường tài sản và phương pháp thẩm định giá từng loại tài sản cụ thể.

Về kỹ năng:

Người học có thể phân tích, đánh giá được thông tin thị trường, sử dụng phương pháp phù hợp để xác định giá trị của tài sản cụ thể; tổ chức thực hiện và thuyết minh kết quả thẩm định giá

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Người học chủ động học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn; đưa ra ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn; có ý thức và cảm thụ được vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động thực tiễn.

14.38 Thẩm định giá chứng khoán phái sinh:

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Có các kiến thức lý thuyết về chứng khoán phái sinh, các quy định pháp lý của Việt Nam về vận hành của thị trường chứng khoán phái sinh; từ đó giúp học có thể vận dụng vào thực tế để thẩm định giá các chứng khoán phái sinh cho nhiều mục đích khác nhau của các đối tượng đầu tư trong nền kinh tế. Học viên được tiếp cận với các tình huống thực tế về thẩm định giá chứng khoán phái sinh ở Việt Nam có thể giúp học viên vận dụng nhiều kỹ năng khác nhau để xử lý các vấn đề phức tạp nhanh chóng và hiệu quả.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu khái niệm và các thuộc tính của chứng khoán phái sinh, biết phân loại chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, biết xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán phái sinh;
- Vận dụng các quy định pháp lý đối với chứng khoán phái sinh trên thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam vào thực tế;
- Hiểu khái niệm, các yếu tố cấu thành, đặc điểm của hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai;
- Vận dụng phương pháp phù hợp để thẩm định giá các hợp đồng kỳ hạn và hợp

đồng tương lai;

- Hiểu khái niệm, các yếu tố cấu thành, đặc điểm của hợp đồng quyền chọn; biết phân loại các hợp đồng quyền chọn; xác định được lãi lỗ của hợp đồng quyền chọn;
- Vận dụng mô hình phù hợp để thẩm định giá các hợp đồng quyền chọn;
- Hiểu khái niệm hợp đồng hoán đổi, biết phân loại hợp đồng hoán đổi;
- Vận dụng phương pháp phù hợp để thẩm định giá các hợp đồng hoán đổi.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về đặc điểm của doanh nghiệp để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá chứng khoán phái sinh;
- Có kỹ năng nâng cao trong việc truyền đạt tri thức cũng như thảo luận các vấn đề thực tiễn với nhà chuyên môn, nhà khoa học, người cùng ngành và những người khác về các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá chứng khoán phái sinh;
- Có kỹ năng vượt trội trong tổ chức, quản trị các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến các lĩnh vực thẩm định giá chứng khoán phái sinh; sử dụng công nghệ mới một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp liên quan đến các lĩnh vực thẩm định giá chứng khoán phái sinh

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Năng lực tự nghiên cứu, khám phá các vấn đề mới, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá chứng khoán phái sinh;
- Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực thẩm định giá chứng khoán phái sinh;
- Phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.39 Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức về trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ BHXH, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân. Phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng – hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách BHXH tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch, đồng thời đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu kiến thức tổng quan về chính sách an sinh xã hội, BHXH, BHYT Việt Nam và một số nước điển hình trên thế giới.
- Phân tích được vị trí, vai trò, chức năng, bản chất, nguyên tắc các trụ cột BHXH, BHYT trong hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam và các nước.
- Phân tích lực phân tích, xây dựng, nghiên cứu, đề xuất, ứng dụng thực hiện chính sách an sinh xã hội, BHXH, BHYT tại Việt Nam
- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tài chính của an sinh xã hội, hiểu sâu các quan niệm, tài chính của các chế độ an sinh xã hội ngắn hạn, dài hạn, chi phí quản lý và vấn đề đầu tư quỹ an sinh xã hội vào cuộc sống.
- Vận dụng quản lý, thực hiện và phát triển an sinh xã hội, BHXH, BHYT.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề chính sách an sinh xã hội, BHXH, BHYT.
- Đánh giá được các vấn đề về chính sách an sinh xã hội, BHXH, BHYT với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cần trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.40 Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Minh chứng và giải thích một khung phân tích chu đáo và kỹ lưỡng cho phân tích báo cáo tài chính và định giá bao gồm nhiều bước cụ thể.
- CO2: Phân tích hiệu quả các báo cáo tài chính : các đặc điểm kinh tế và điều kiện hiện tại của các ngành kinh doanh cạnh tranh của một công ty; Các chiến lược cụ thể mà công ty thực hiện để cạnh tranh trong từng ngành kinh doanh; Đánh giá mức độ phản ánh của báo cáo tài chính của công ty đối với hiệu quả kinh tế của các quyết định và

hành động chiến lược của công ty.

- CO3: Đánh giá khả năng sinh lời và rủi ro của công ty bằng cách sử dụng các tỷ số tài chính và các công cụ phân tích khác; Dự báo lợi nhuận và rủi ro trong tương lai của công ty, kết hợp với thông tin về những thay đổi dự kiến trong các ngành kinh doanh và chiến lược của công ty.

- CO4: Định giá trị doanh nghiệp thông qua phương pháp định giá khác nhau, đưa ra quyết định đầu tư bằng cách so sánh giá trị của các cổ phiếu với thị giá cổ phiếu quan sát được trên thị trường vốn.

Kỹ năng:

- CO6: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề về phân tích các báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp

- CO7: Xây dựng được các tiêu chí phân tích các báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp. Cụ thể hóa kiến thức phân tích và định giá vào một công ty cụ thể.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về thực trạng tài chính và giá trị doanh nghiệp.

- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến phân tích và định giá doanh nghiệp.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO9(M).

14.41 Phân tích chính sách công nâng cao

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Hiểu những khái niệm về chính sách công và vận dụng những khái niệm này vào công tác thực tiễn.

- CO2: Nắm bắt được những kỹ năng cần thiết trong hoạch định và thực thi một chính sách công.

- CO3: Nắm vững kiến thức để phân tích một chính sách công.

Kỹ năng:

- CO4: Vận dụng kiến thức có được để xây dựng một chính sách công trong phạm vi công tác của mình

- CO5: Lựa chọn được phương pháp phân tích chính sách cụ thể trên cơ sở mục tiêu định trước và những yếu tố tác động đến chính sách và những yếu tố bị tác động bởi

chính sách.

- CO6: Thiết kế được một quy trình để phân tích một chính sách cụ thể.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO7: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về chính sách công.
- CO8: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chính sách công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.42 Quản lý tài chính các đơn vị công

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Hiểu được những kiến thức chuyên sâu về tài chính tại một đơn vị công: nội dung tài chính, vai trò, đặc điểm, dự toán và quyết toán tài chính.
- CO2: Vận dụng được mục lục NSNN để phục vụ công tác quản lý tài chính, xây dựng dự toán chi thường xuyên, lập dự toán quỹ tiền lương và các khoản nộp theo lương, ...
- CO3: Phân tích và đánh giá quy trình quản lý tài sản bắt đầu từ khi hình thành cho đến khi kết thúc việc sử dụng tài sản.

Kỹ năng:

- CO4: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề về quản lý tài chính đối với đơn vị công. Biết cách lập dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ.
- CO5: Có thể xây dựng được cơ chế quản lý tài sản công trong đơn vị công, đọc hiểu cơ chế quản lý tài chính ở đơn vị công cụ thể, đọc hiểu các văn bản pháp luật có liên quan nhau.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO6: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về quản lý tài chính đối với đơn vị công
- CO7: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính đối với đơn vị công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M),

PLO8(M), PLO10(M).

14.43 Kiểm toán công

a) Mô tả học phần:

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.44 Quản lý hải quan về trị giá hàng hóa

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Hiểu được bản chất của các phương pháp xác định trị giá hải quan của hàng hóa theo cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù của Việt Nam
- CO2: phân tích và So sánh được các phương pháp xác định giá tính thuế thông qua nội dung và các ưu nhược điểm của từng phương pháp
- CO3: Phân tích và tổng hợp được các chính sách tài chính liên quan đến danh mục hàng hóa XNK và biểu thuế XNK, qua đó đánh giá được tác động của chính sách tài chính đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế như hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.
- CO4: Tiếp cận được với những vấn đề đương đại trong lĩnh vực xác định giá tính thuế đối với hàng hóa XNK, những thay đổi gần đây trên thế giới

Kỹ năng:

- CO5: Nâng cao được kỹ năng phân tích và so sánh các phương pháp tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- CO6: Phân tích và áp dụng các phương pháp xác định giá tính thuế phù hợp với thực tế Việt Nam và danh mục thuế XNK hiện hành.
- CO7: Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của ngành tài chính – Hải quan.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: Xây dựng thái độ học tập tích cực, học viên chủ động tự cập nhật những thay đổi trong qui định pháp luật hải quan về xác định trị giá tính thuế/ trị giá hải quan và biểu thuế XNK hiện hành.
- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M),

PLO8(M), PLO10(M).

14.45 Quản lý hải quan về phân loại và xuất xứ hàng hóa

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ phân loại hàng hóa, những kiến thức nền tảng về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, cách áp mã hàng hóa theo hệ thống hài hòa (HS), các quy tắc phân loại hàng hóa của tổ chức Hải quan thế giới.
- CO2: Cung cấp cho học viên phương pháp phân loại hàng hóa theo Danh mục và Biểu thuế XNK của Việt Nam; những kiến thức về xuất xứ hàng hóa.
- CO3: Nắm vững và phân tích được các khái niệm, vai trò của xuất xứ, các quy tắc xuất xứ không ưu đãi theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy tắc xuất xứ theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập, Quy tắc xuất của các hiệp định FTA mà Việt Nam là thành viên.

Kỹ năng:

- CO4: Học viên thành thạo phân loại áp mã số cho hàng hóa XNK theo danh mục hàng hóa XNK Việt Nam.
- CO5: Thực hiện được các thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá, biết căn cứ vào các quy tắc xuất xứ để xác định, lựa chọn giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) xin cấp.
- CO6: Thực hiện được tiến hành khai trên C/O và hoàn tất hồ sơ xin cấp C/O, liên hệ với cơ quan, tổ chức cấp C/O thực hiện việc xin cấp C/O; giải quyết các trường hợp vướng mắc về C/O khi làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO7: Xây dựng thái độ học tập tích cực, tuân thủ pháp luật về phân loại hàng hóa XNK theo qui định, có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực tài chính công.
- CO8: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân.
- Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.46 Quản lý thuế Xuất nhập khẩu

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Hiểu được bản chất của hệ thống thuế hiện hành cho hàng hóa XNK theo cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù của Việt Nam.
- CO2: Phân tích được nội dung của một luật thuế hiện hành và giải thích được những thay đổi của nội dung luật thuế so với trước và so với các quốc gia trong khu vực.
- CO3: Phân tích và tổng hợp được nội dung của chính sách quản lý thuế hiện hành và những thay đổi trong thời gian qua. Việc chấp hành thực thi thuế của các đơn vị có liên quan: Doanh nghiệp, cơ quan thuế, hải quan
- CO4: Tiếp cận được với những vấn đề đương đại trong lĩnh vực thuế và quản lý thuế hiện nay của Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực

Kỹ năng:

- CO5: Có kỹ năng phân tích việc chấp hành thuế của các doanh nghiệp trong kê khai và trong thực tế đối với 1 lô hàng cụ thể, trong một khoảng thời gian nhất định
- CO6: Nâng cao được kỹ năng phân tích ưu nhược điểm chính sách thuế và các khe hở của luật thuế khi áp dụng vào thực tế. Từ đó đánh giá được tác động của chính sách thuế đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế như: hoạt động thương mại quốc tế, nguồn thu ngân sách.
- CO7: Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách thuế của ngành tài chính.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: Có thái độ học tập tích cực, học viên chủ động tự cập nhật những thay đổi trong qui định pháp luật thuế, quản lý thuế và hải quan; có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được để đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực thuế XNK.
- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành, đặc biệt trong lĩnh vực hải quan.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.47 Kiểm tra sau thông quan

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Hiểu được bản chất của công tác kiểm tra hàng hóa XNK theo cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù của Việt Nam.
- CO2: Nắm được quy mô và tính chất của kiểm tra hải quan về hàng hóa XNK từ

góc độ cụ thể (hành vi) đến góc độ tổng thể (vĩ mô).

- CO3: Tiếp cận được với những vấn đề đương đại trong lĩnh vực kiểm toán hải quan trong các hiệp định thương mại song phương và đa phương của Việt Nam.

Kỹ năng:

- CO4: Nâng cao được kỹ năng phân tích chính sách kiểm toán trong lĩnh vực hải quan và đánh giá được tác động của chính sách tài chính đến những vấn đề cơ bản của hoạt động XNK hàng hóa.
- CO5: Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của ngành tài chính, cụ thể là trong lĩnh vực hải quan.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO6: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực Hải quan.
- CO7: Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.48 Kiểm soát hải quan nâng cao

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Hiểu được bản chất của công tác kiểm tra hàng hóa XNK theo cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù của Việt Nam.
- CO2: Nắm được quy mô và tính chất của kiểm tra hải quan về hàng hóa XNK từ góc độ cụ thể (hành vi) đến góc độ tổng thể (vĩ mô).
- CO3: Tiếp cận được với những vấn đề đương đại trong lĩnh vực kiểm toán hải quan trong các hiệp định thương mại song phương và đa phương của Việt Nam.

Kỹ năng:

- CO4: Nâng cao được kỹ năng phân tích chính sách kiểm toán trong lĩnh vực hải quan và đánh giá được tác động của chính sách tài chính đến những vấn đề cơ bản của hoạt động XNK hàng hóa.
- CO5: Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của ngành tài chính, cụ thể là trong lĩnh vực hải quan.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO6: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có thể vận dụng

những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực Hải quan.

- CO7: Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.49 Thuế quốc tế

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Phân tích được các Thuế trong các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới chính sách thuế của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- CO2: Phân tích và đánh giá được các nội dung các sắc thuế đối với nhà thầu và nhà thầu phụ ở Việt Nam hiện nay
- CO3: Phân tích và tổng hợp được về Hiệp định thuế và nội dung cơ bản của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
- CO4: Phân tích và đánh giá được về chuyển giá quốc tế, thiên đường thuế; chuyển giá quốc tế tại Việt Nam và biện pháp chống chuyển giá; Phân tích được tác động, ảnh hưởng của chuyển giá, đến các đối tượng, đến nền kinh tế...
- CO5: Phân tích được tác động, ảnh hưởng của bán phá giá, trợ giá, trợ cấp đến các đối tượng, đến nền kinh tế, tác dụng của thuế chống bán phá giá, trợ giá, trợ cấp

Kỹ năng:

- CO6: Vận dụng phân tích được tác động của hợp tác quốc tế đến thuế và ngược lại; Tính toán được các khoản thuế phải nộp theo các phương pháp tính của thuế nhà thầu. Vận dụng các phương pháp tính của Thuế nhà thầu để làm bài tập, để thực hiện một chu trình thuế cơ bản và đơn giản qua các bước: Khai khai – tính thuế - nộp thuế - hoàn thuế.
- CO7: Tính toán được các khoản thuế phải nộp khi có Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần. Vận dụng để làm bài tập, làm các tình huống để ứng dụng vào thực tế; Tính toán nhanh được các khoản thuế phải nộp khi áp dụng các biện pháp chống chuyển giá. Vận dụng để làm bài tập, làm các tình huống để ứng dụng vào thực tế. Tính toán được các khoản thuế phải nộp khi áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp. Vận dụng để làm bài tập, làm các tình huống để ứng dụng vào thực tế

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, những phương pháp Thuế, chấp hành tốt chính sách thuế; Luôn cẩn trọng, trung thực, chính xác khi thực hiện công việc Thuế;

Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực thuế quốc tế.

- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.50 Đạo đức thuế

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Tìm hiểu cơ bản một số học thuyết đạo đức; Phân tích và đánh giá các quan điểm về đạo đức, ý thức và pháp lý, Giải thích cơ chế hoạt động của các quy định về đạo đức của các tổ chức kế toán và pháp lý.
- CO2: Giải thích sự vận hành của các quy tắc ứng xử dành cho đại lý thuế và việc áp dụng chúng vào những trường hợp cụ thể, Đánh giá nền tảng trách nhiệm dân sự và hình sự của người nộp thuế và vai trò của các cơ quan tư pháp trong các tranh chấp về thuế.
- CO3: Hiểu được các vấn đề về tránh thuế, trốn thuế và hoạch định thuế, phân tích và đánh giá vai trò của các điều khoản chống tránh thuế cụ thể.
- CO4: Phân tích và so sánh vai trò và trách nhiệm tương đối của các bên có liên quan tham gia vào hệ thống thuế và ý nghĩa của góc độ đạo đức

Kỹ năng:

- CO5: Có thể kỹ năng phân tích các quan điểm về đạo đức, ý thức và pháp lý, cơ chế hoạt động của các quy định về đạo đức của các tổ chức kế toán và pháp lý.
- CO6: Nâng cao được kỹ năng phân tích vai trò và trách nhiệm tương đối của các bên có liên quan tham gia vào hệ thống thuế và đánh giá được tác động của đạo đức thuế đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế như chính sách thuế hiện hành.
- CO7: Nâng cao kỹ năng hoạch định thuế, nắm bắt được các kỹ thuật tránh thuế, trốn thuế và phân tích các điều khoản chống tránh thuế cụ thể; Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách thuế của ngành tài chính dưới góc độ đạo đức Thuế.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- + CO8: Có khả năng nhận thức vai trò của cá nhân trong việc thực thi hệ thống pháp lý về hệ thống thuế hiện hành. Nâng cao đạo đức thuế trong quá trình thực thi nhiệm vụ cá nhân; Thường xuyên nâng cao nhận thức chấp hành thuế thông qua việc cập nhật kiến thức của các học thuyết về đạo đức thuế
- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có thể vận dụng

những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực đạo đức thuế; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.51 Hoạch định thuế

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Phân tích mối quan hệ giữa căn cứ tính thuế, mức thuế và tiền thuế thông qua công thức tính thuế. Giải thích tính đầy đủ, tính thuận tiện và tính công bằng của thuế.
- CO2: Phân tích và đánh giá chi phí thuế của một khoản thu nhập và tiết kiệm thuế từ một khoản khấu trừ, hợp nhất những chi phí thuế và tiết kiệm thuế vào việc tính toán NPV (hiện giá thuần).
- CO3: Giải thích và đánh giá được tại sao việc tối thiểu hóa thuế có lẽ không phải là chiến lược kinh doanh tối ưu nhất, tại sao việc chuyển thu nhập hoặc chuyển khấu trừ có thể cải thiện NPV.
- CO4: Tổng hợp bốn phương châm cơ bản của việc hoạch định thuế, giải thích bốn biến số mà theo đó xác định kết quả thuế của một giao dịch, hiểu và áp dụng sáu bước của quy trình nghiên cứu thuế

Kỹ năng:

- CO5: Nâng cao được kỹ năng phân tích và tính toán chi phí thuế và tiết kiệm thuế vào việc tính toán hiện giá thuần (NPV)
- CO6: Có kỹ năng hoạch định thuế theo từng góc nhìn của doanh nghiệp, cơ quan thuế
- CO7: Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của ngành tài chính.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực hoạch định thuế
- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M),

PLO8(M), PLO10(M).

14.52 Quản lý thuế nâng cao

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Phân tích được yêu cầu của pháp luật về các thủ tục hành chính thuế, các qui định về chính sách thuế mà đối tượng nộp thuế phải thực hiện
- CO2: Hiểu được bản chất của luật quản lý thuế và những thay đổi theo cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù của Việt Nam.
- CO3: Tiếp cận được với những vấn đề đương đại trong lĩnh vực quản lý thuế, hiểu bản chất và ứng dụng của phần mềm kê khai và quyết toán thuế.

Kỹ năng:

- CO4: Thực hành cài đặt 1 số phần mềm ứng dụng cho kỹ năng khai báo thuế; thực hành kê khai, nộp thuế đối với các sắc thuế quan trọng.
- CO5: Phân tích và thực hành được một số nội dung về hoạt động nghiệp vụ của cơ quan thuế
- CO6: Có kỹ năng giám sát của cơ quan thuế về thủ tục hành chính thuế.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO7: Có ý thức đúng đắn đối với thủ tục hành chính thuế, chủ động tự cập nhật những thay đổi trong qui định pháp luật thuế.
- CO8: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực quản lý thuế.
- CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.53 Lý thuyết thuế

a) Mục tiêu học phần:

Kiến thức:

- CO1: Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về thuế: các học thuyết về thuế, sự ra đời và phát triển của thuế, khái niệm, phân loại, chức năng của thuế, các tiêu chí để xây dựng hệ thống thuế,
- CO2: Hiểu được các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế; nội dung Thuế trong các lý thuyết kinh tế cũng như tác động kinh tế của thuế trong nền kinh tế - xã hội.
- CO3: Phân tích và vận dụng các nguyên tắc về hệ thống thuế: thuế thu nhập, thuế

tiêu dùng, thuế tài sản, phí, lệ phí.

- CO4: Phân tích và đánh giá được tác động của thuế trên thị trường cạnh tranh và thị trường độc quyền;
- CO5: Đánh giá được bộ máy tổ chức cơ quan thuế; Kinh nghiệm thuế các nước; Xu hướng điều chỉnh thuế của nhà nước trong nền kinh tế hội nhập.

Kỹ năng:

- CO6: Vận dụng các nguyên tắc, các kiến thức cơ bản về các sắc thuế (thuế thu nhập, thuế tiêu dùng, thuế tài sản, phí, lệ phí) chung trên thế giới trong phân tích. Xây dựng được các sắc thuế của Việt Nam.
- CO7: Vận dụng các phương pháp tính của các sắc thuế thuế thu nhập, thuế tiêu dùng, thuế tài sản để làm bài tập, giải quyết các tình huống.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- CO8: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực chính sách thuế.
- CO9: Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chính sách thuế.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.54 Luận văn tốt nghiệp

a) Mục tiêu của học phần

Mục tiêu chung

Khi thực hiện đồ án tốt nghiệp, học viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Học viên vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Am hiểu tổng quan về các kiến thức tài chính ngân hàng.

Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính sách và các vấn đề tài chính ngân hàng.

Vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để đối với lĩnh vực nghiên cứu.

Về kỹ năng:

Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Phát triển kỹ năng dự báo phục vụ cho xử lý tình huống trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Phát triển kỹ năng thảo luận, đàm phán công việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

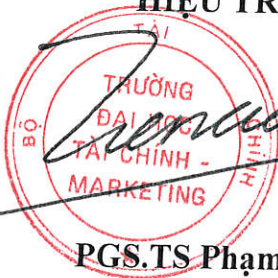
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Giải quyết các tình huống thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân khi thực hiện công việc.

b) **Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** PLO1(M), PLO2(A), PLO3(A), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Tiến Đạt

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA TC-NH**

PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Linh